

TOÁN - TUẦN 2

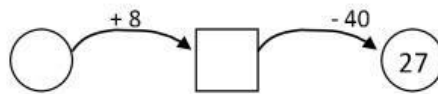
I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. - 15 = 136 Số cần điền vào chỗ trống là?

- A. 134 B. 144 C. 32 D. 151

Câu 2. Số cần điền vào hình tròn là :



- A. 67 B. 59 C. 95 D. 76

Câu 3. Cho - 37 = 448.

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

Câu 4. Cho + 37 = 123.

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

Câu 5. Lớp 3A có 20 học sinh xếp thành hai hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

- A. 9 học sinh B. 10 học sinh C. 8 học sinh

Câu 6. Số bị trừ là số nhỏ nhất có ba chữ số, hiệu là 99 . Số trừ là:

- A. 10 B. 0 C. 1 D. 100

Câu 7. Tổng số tuổi của hai anh em là 31 tuổi. Em 12 tuổi. Hỏi anh mấy tuổi?

- A. 10 tuổi B. 14 tuổi C. 19 tuổi

Câu 8. Trong một phép cộng có tổng bằng 162, nếu thêm vào mỗi số hạng 8 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu:

- A. 170 B. 178 C. 180 D. 190

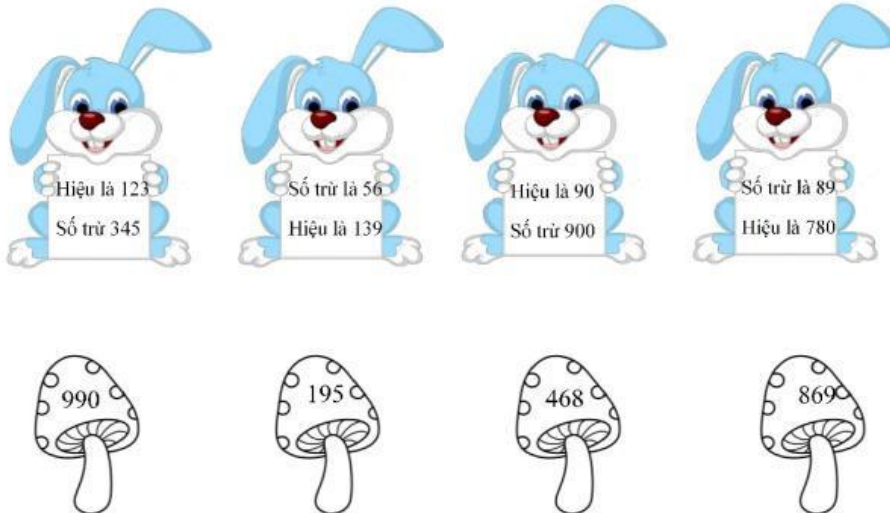


II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Số?

Số hạng	15	44	152		
Số hạng		134		111	214
Tổng	234		333	242	728

Bài 2. Tính số bị trừ với số trừ và hiệu cho trước ở mỗi chú thỏ rồi nối kết quả trên cây nấm tương ứng:



Bài 3. Số?

Thừa số	5	5	2	2	5	5	2	2
Thừa số	3	5	7	8	9	2	4	1
Tích								

Bài 4: Một cửa hàng có 20 kg gạo tẻ. Người ta chia đều vào các túi. Hỏi :
 Nếu chia số gạo tẻ đó vào các túi, mỗi túi 2kg thì được tất cả bao nhiêu túi?
 Nếu chia số gạo tẻ đó vào các túi, mỗi túi 5kg thì được tất cả bao nhiêu túi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

TOÁN - TUẦN 3

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Dãy tính: $4 + 4 + 4 + 4 + 4$ ứng với phép nhân nào?

- A. 4×5 B. 4×4 C. 5×4

Câu 2: 3 được lấy 4 lần viết dưới dạng tích hai số là:

- A. 4×3 B. 3×4 C. 3×5

Câu 3: Kết quả của dãy tính: $3 \times 6 + 117$ là:

- A. 115 B. 135 C. 125

Câu 4: Mai lấy 5 đôi đũa cho cả nhà. Hỏi Mai đã lấy bao nhiêu chiếc đũa?

- A. 5 chiếc B. 10 đôi C. 10 chiếc

Câu 5: Trong phép nhân: $3 \times 7 = 21$, có thừa số là:

- A. 7 và 14 B. 7 và 3 C. 14 và 3

Câu 6: Phép nhân: $4 \times 8 = 32$ có tích là:

- A. 2 B. 8 C. 32

Câu 7: Phép nhân nào có tích bằng một thừa số?

- A. 2×3 B. 3×1 C. 2×2

Câu 8: Mỗi cái bàn có 4 chân. Hỏi có 6 cái bàn bao nhiêu chân?

- A. 10 chân B. 24 chân C. 30 chân

II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Tính (theo mẫu):

$$\begin{aligned} \text{Mẫu: } 2 \times 5 + 6 &= 10 + 6 \\ &= 16 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 5 \times 3 + 105 &= \\ &= \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 3 \times 8 + 124 &= \\ &= \end{aligned}$$

Bài 3. Mỗi luống rau cải bắp có 4 hàng. Hỏi 8 luống rau có bao nhiêu hàng?

Bài giải

Bài 4. Có 18 học sinh xếp thành các hàng.

Nếu xếp đều thành 3 hàng thì mỗi hàng có mấy học sinh?

Nếu xếp đều thành 2 hàng thì mỗi hàng có mấy học sinh?

Bài giải

Bài 5: Số?

- Có 20 quả táo chia đều cho 4 bạn. Vậy mỗi bạn được quả táo.

- Có 20 quả táo chia đều cho 5 bạn. Vậy mỗi bạn được quả táo.

Bài 6: Số?

$$4 \times 6 < 3 \times \dots < 4 \times 7$$

$$2 \times 9 < \dots \times 5 < 3 \times 8$$

$$4 \times 7 < 3 \times \dots < 4 \times 8$$

$$4 \times 9 > 5 \times \dots > 4 \times 8$$

Bài 6: Nối hai phép tính với kết quả bằng nhau:


$$21: 3$$


$$32: 4$$


$$12: 4$$


$$27: 3$$


$$20: 4$$


$$15: 5$$


$$14: 2$$


$$16: 2$$


$$10: 2$$


$$18: 2$$

